TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09/4/2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Tôn Văn Hùng.

+ Ông Võ Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Phong Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang: Bà Phạm Trà My, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 367/2018/TLST-ST ngày 03 tháng 12 năm 2018 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Võ Thị Mỹ N, sinh năm 1992 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Huỳnh Văn T, sinh năm 1992 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bùi Thị D, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 12 năm 2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn Võ Thị Mỹ N trình bày:

Chị và anh Huỳnh Văn T kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang vào năm 2014. Đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh Huỳnh Văn T thường xuyên uống rượu say, không quan tâm chăm sóc gia đình và đã ly thân từ thời điểm đó. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Văn T.

Về quan hệ con chung: Chị Võ Thị Mỹ N đồng ý giao cho anh Huỳnh Văn T trực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh Văn Th, sinh ngày 06/9/2015. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị yêu cầu được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ tài sản chung: Chị Võ Thị Mỹ N tự nguyện rút yêu cầu đối với chia tài sản chung.

* Tại bản khai ngày 10 tháng 12 năm 2018 và tại phiên tòa, bị đơn Huỳnh Văn T trình bày:

Anh và chị Võ Thị Mỹ N kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang năm 2014. Quá trình chung sống, vợ chồng mâu thuẫn không lớn nhưng chị N tự ý bỏ nhà về bên cha mẹ ruột sinh sống. Theo yêu cầu xin ly hôn của chị N, anh đồng ý thuận tình ly hôn.

Về quan hệ con chung: Anh đồng ý tiếp tục nuôi con chung tên Huỳnh Văn Th, sinh ngày 06/9/2015. Chị Võ Thị Mỹ N không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh cam kết tạo điều kiện thuận lợi để chị Võ Thị Mỹ N thực hiện quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn.

Về quan hệ tài sản chung: Thống nhất ý kiến của chị N.

* Tại bản khai ngày 10 tháng 12 năm 2018 và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Thị D có yêu cầu độc lập trình bày:

Ngày 26/9/2015, vợ chồng Huỳnh Văn T và Võ Thị Mỹ N có mượn của bà số tiền 16.000.000 đồng để mua xe mô tô. Bà Bùi Thị D tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu độc lập.

* Trong quá trình tố tụng, chị Võ Thị Mỹ N cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau: Bản tự khai ngày 03/12/2018; Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao các Trích lục khai sinh con chung; bản sao Giấy chứng minh nhân dân của Võ Thị Mỹ N; Đơn xin xác nhận nơi đăng ký thường trú; bản sao Phục lục hợp đồng lao động; bản

sao Đơn xin xác nhận mức lương. Bị đơn Huỳnh Văn T cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ như sau: Bản tự khai ngày 10/12/2018; bản sao các hóa đơn mua tài sản; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ như sau: Bản tự khai ngày 10/12/2018. Tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ như sau: Biên bản xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng; Biên bản xem xét, thẩm định tài sản; Biên bản định giá tài sản.

* Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình xét xử vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý vụ án; xác định tư cách tham gia tố tụng các đương sự đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc xác minh, thu thập chứng cứ đúng quy định tại Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự; trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và đương sự đúng quy định Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng dân sự; thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về giải quyết vụ án, căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa chị Võ Thị Mỹ N và anh Huỳnh Văn T về việc thuận tình ly hôn, về quan hệ con chung, đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của chị Võ Thị Mỹ N về chia tài sản khi ly hôn, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bà Bùi Thị D, chị Võ Thị Mỹ N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Mỹ N và anh Huỳnh Văn T tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang, đăng ký số 28 ngày 13/8/2014. Quá trình sống chung, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn do không phù hợp nhau về quan điểm sống và hai bên đã ly thân nhau. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên chị Võ Thị Mỹ N và anh Huỳnh Văn T thuận tình ly hôn. Xét thấy, việc thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị Mỹ N và anh Huỳnh Văn

T là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử công nhận.

[2]. Về quan hệ con chung: Chị Võ Thị Mỹ N và anh Huỳnh Văn T thống nhất thỏa thuận giao anh Huỳnh Văn Ttrực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh Văn Th, sinh ngày 06/9/2015 sau khi ly hôn, chị Võ Thị Mỹ N không phải cấp dưỡng nuôi con chung, chị Võ Thị Mỹ N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn. Xét thấy, sự thỏa thuận giữa hai bên là tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử công nhận.

[3]. Về quan hệ tài sản chung: Chị Võ Thị Mỹ N tự nguyện rút phần yêu cầu khởi kiện đối với chia tài sản chung khi ly hôn, bà Bùi Thị D tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu độc lập. Căn cứ Điều 5, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu này.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147, Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án, ghi nhận việc chị Võ Thị Mỹ Nhung tự nguyện chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đồng, hoàn trả chị Võ Thị Mỹ N, trả cho bà Bùi Thị D số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị Mỹ N và anh Huỳnh Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Võ Thị Mỹ N và anh Huỳnh Văn T về việc giao anh Huỳnh Văn T trực tiếp nuôi 01 con chung tên Huỳnh Văn Th, sinh ngày 06/9/2015. Chị Võ Thị Mỹ N không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Chị Võ Thị Mỹ N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn của chị Võ Thị Mỹ N; đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của bà Bùi Thị D.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng: Chị Võ Thị Mỹ N tự nguyện chuyển 300.000đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp (biên lai thu số 0001913 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) thành án phí sơ thẩm.

Hoàn trả chị Võ Thị Mỹ N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 1.960.000 đồng (biên lai thu số 0001914 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang); hoàn trả bà Bùi Thị D số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 400.000 đồng (biên lai thu số 0001987 ngày 13/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- UBND xã N, thị xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Huy